TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày: 03-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

TRẦN VŨ T; Tên gọi khác: T Cần Thơ; Sinh năm 1988, tại tỉnh Hậu Giang.

Nơi đăng ký HKTT: Xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Z (đều còn sống); Gia đình có 09 người con, bị cáo là con thứ bảy.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27-9-2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Phan Thế B; sinh năm: 1988, HKTT: Xã Eaghê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Số 27 Tiên O, phường Hòa C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

2. Anh Dương Văn D; sinh năm: 1981, HKTT: Xã Đ, huyện Qùy Hợp, tỉnh Nghệ An;

3. Anh Hoàng Văn K1; sinh năm: 1983, HKTT: Xã Tr, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

4. Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1985, HKTT: Xã Nam Tr, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

5. Chị Nguyễn Hồ K2; sinh năm: 1984, HKTT: Khối 2, thị trấn Núi Th, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

6. Chị Trương Thị Phong L1; sinh năm: 1989, HKTT: 63 Trần Qu, xã Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định;

7. Chị Trần Thị Thu H; sinh năm: 1987, HKTT: 25 Võ Văn U, xã Phú Phong, huyện Sơn Tây, tỉnh Bình Định;

8. Anh Nguyễn Đăng H1; sinh năm: 1985, HKTT: phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

9. Chị Lê Thị N; sinh năm: 1983, HKTT: Thôn Q, Thị trấn Nghèn, huyện Cam Lộc, tỉnh Hà Tĩnh;

10. Anh Trần Kim K3; sinh năm: 1981, HKTT: Số 05 F, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam;

11. Anh Nguyễn Đình H1; sinh năm: 1981, HKTT: Số 30 Vũ R, thành phố Đà Nẵng;

12. Anh Nguyễn Thanh S; sinh năm: 1984, HKTT: K 256/04 J, thành phố Đà Nẵng;

13. Chị Đào Thị L2; sinh năm: 1981, HKTT: Số 370 M, thành phố Đà Nẵng;

14. Chị Trương Thị Lan A; sinh năm: 1988, HKTT: Số 20 W, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

15. Anh Nguyễn Tuấn G; sinh năm: 1986, HKTT: 22A Kh, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

(Tất cả bị hại đều vắng mặt tại phiên toà)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn K; sinh năm: 1986; Trú tại: Tổ 41, phường Thạc Gi, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;

2. Anh Nguyễn Quang V; sinh năm: 1988; Trú tại: Tổ 19, phường Hòa Th, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

(Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 3 năm 2008, Trần Vũ T rủ Trần Văn K và Nguyễn Quang V chuẩn bị hung khí tạo thành nhóm chuyên cướp tài sản của những người thuê trọ

trên địa bàn quận Thanh Khê và quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 02-3-2008, Trần Vũ T và Trần Văn K tự chuẩn bị mỗi người 01 con dao làm hung khí để đi cướp tài sản. Khi đến phòng trọ tại K10/H11/02 đường 1, phường Thạc Gi, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thấy phòng mở cửa nên cả hai xông vào; K cầm dao đứng ngay cửa để canh chừng còn T dùng dao khống chế cướp của anh Phan Thế B 01 điện thoại di động hiệu Backberry 6710, 01 máy ảnh hiệu JVJ M8 và số tiền 20.000đ. Sau đó, T đem điện thoại và máy ảnh đi bán lấy tiền tiêu xài chung (T không nhớ địa điểm bán). Tang vật không thu hồi được.

Biên bản xác định giá trị tài sản ngày 30-10-2008 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Backberry 6710 trị giá 595.000đ, 01 máy ảnh hiệu JVJ M8 trị giá 1.890.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.505.000đ.

Vụ thứ hai: Vào lúc 23 giờ ngày 03-3-2008, Trần Vũ T và Trần Văn K tự chuẩn bị mỗi người 01 con dao làm hung khí để đi cướp tài sản. Khi đến phòng trọ tại số 228/14 đường 2, phường Vĩnh Tr, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thấy phòng mở cửa nên cả hai xông vào; K cầm dao đứng ngay cửa để canh chừng còn T dùng dao khống chế cướp:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110i của anh Dương Văn D,

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung X200 và số tiền 700.000đ cướp của anh Hoàng Văn K1.

Sau đó, T đem các điện thoại chiếm đoạt được đi bán lấy tiền tiêu xài chung (T không nhớ địa điểm bán). Tang vật không thu hồi được.

Biên bản xác định giá trị tài sản ngày 30-10-2008 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110i trị giá 127.500đ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung X200 trị giá 382.500đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.210.000đ.

Vụ thứ ba: Vào lúc 22 giờ ngày 04-3-2008, Trần Vũ T rủ Trần Văn K và Nguyễn Quang V đi cướp tài sản. Khi đến phòng trọ ở K368/92 đường 3, phường Bình Th, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, thấy phòng mở cửa nên T và K xông vào, Vũ đứng ngoài xe chờ. K cầm 01 khúc cây đứng ngay cửa phòng để cảnh giới, T dùng dao khống chế cướp:

- 01 điện thoại di động BenQ-A53 của chị Nguyễn Thị L;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung D520 của chị Nguyễn Hồ K2;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung X650 của chị Trương Thị Phong L1

- 01 điện thoại điện lực của chị Trần Thị Thu H.

Sau đó, T đem các điện thoại chiếm đoạt được đi bán lấy tiền tiêu xài chung (T không nhớ địa điểm bán). Tang vật không thu hồi được.

Biên bản xác định giá trị tài sản ngày 30-10-2008 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê kết luận: 01 điện thoại di động BenQ-A53 trị giá 595.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung D520 trị giá 765.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Samsung X650 trị giá 382.500đ và 01 điện thoại điện lực trị giá 136.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.878.500đ.

Vụ thứ tư: Vào lúc 22 giờ 45 phút ngày 05-3-2008, Trần Vũ T và Trần Văn K tự chuẩn bị mỗi người 01 con dao làm hung khí để đi cướp tài sản. Khi đến phòng trọ ở số 330/9 đường 4, phường Hòa Th, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thì cả hai xông vào dùng dao khống chế cướp:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung T400 của anh Nguyễn Đăng H1,

- 01 điện thoại di động Samsung E715 của cướp của chị Lê Thị N.

Sau đó, T đem các điện thoại chiếm đoạt được đi bán lấy tiền tiêu xài chung (T không nhớ địa điểm bán). Tang vật không thu hồi được.

Biên bản xác định giá trị tài sản ngày 30-10-2008 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung T400 trị giá 297.500đ, 01 điện thoại di động Samsung E715 trị giá 382.500đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 680.000đ.

Vụ thứ năm: Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 06-3-2008, Trần Vũ T rủ Trần Văn K và Nguyễn Quang V đi cướp tài sản. Khi đến phòng trọ ở 36 đường 5, phường Thạc Gi, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thấy phòng mở cửa nên T và K xông vào, Vũ đứng ngoài xe chờ. T và K dùng dao khống chế cướp:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6610 và 700.000đ của anh Trần Kim K3,

- 01 điện thoại di động hiệu Dodpod 818 Pro của anh Nguyễn Đình H1.

Sau đó, T đem các điện thoại chiếm đoạt được đi bán lấy tiền tiêu xài chung (T không nhớ địa điểm bán). Tang vật không thu hồi được.

Biên bản xác định giá trị tài sản ngày 30-10-2008 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6610 trị giá 340.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Dodpod 818 Protrị giá 1.530.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.570.000đ.

Vụ thứ sáu: Vào lúc 23 giờ 20 phút ngày 19-3-2008, Trần Vũ T rủ Trần Văn K đi cướp tài sản. Khi đến phòng trọ ở đường 6, phường Vĩnh Tr, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thấy phòng mở cửa nên T cầm dao còn K cầm 01 khúc cây xông vào khống chế cướp:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 7610 của anh Nguyễn Thanh S,

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6030 của chị Đào Thị L2,

- 01 điện thoại di động hiệu Motorola W 218 của chị Trương Thị Lan A.

Sau đó, T đem các điện thoại chiếm đoạt được đi bán lấy tiền tiêu xài chung (T không nhớ địa điểm bán). Tang vật không thu hồi được.

Biên bản xác định giá trị tài sản ngày 30-10-2008 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 7610 trị giá 1.105.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6030 trị giá 382.500đ và 01 điện thoại di động hiệu Motorola W 218 trị giá 630.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.117.500đ.

Vụ thứ bảy: Vào lúc 22 giờ ngày 22-3-2008, Trần Vũ T rủ Trần Văn K đi cướp tài sản. Khi đến phòng trọ ở số H09/2 đường 7, phường Thạc Gi, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thấy phòng mở cửa nên T cầm dao còn K cầm 01 khúc cây khống chế cướp của anh Nguyễn Tuấn G 01 điện thoại di động hiệu

Nokia 1200. Sau đó, T đem điện thoại chiếm đoạt được đi bán lấy tiền tiêu xài chung (T không nhớ địa điểm bán). Tang vật không thu hồi được.

Biên bản xác định giá trị tài sản ngày 30-10-2008 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200 trị giá 468.000đ.

Như vậy, tổng giá trị Trần Vũ T cùng đồng bọn chiếm đoạt được là 11.429.000đ.

Trong quá trình điều tra, Trần Vũ T bỏ trốn đến ngày 13-8-2008, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê ra Quyết định truy nã. Đến ngày 27-9-2020, T bị Công an thị trấn Rạch I, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang bắt theo Quyết định truy nã, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đen, số imei: 353793/10442126/1 (là điện thoại T sử dụng liên lạc cá nhân).

- Số tiền 420.000đ.

Các vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

* Về trách nhiệm dân sự:

Đã được giải quyết xong tại Bản án số 114/2008/HSST ngày 23-12-2008 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên không đề cập. Tuy nhiên, đến nay anh Nguyễn Đăng H1 yêu cầu T bồi thường 5.000.000đ.

Quá trình điều tra, Trần Vũ T đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp tài sản như đã nêu trên.

* Nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Trần Vũ T cùng với Trần Văn K và Nguyễn Quang V thực hiện hành vi cướp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Vũ T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 với hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Vũ T phạm tội "Cướp tài sản"; đề nghị áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo từ 10 đến 11 năm tù giam.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ ngày 02 đến ngày 22 tháng 3 năm 2008, Trần Vũ T rủ Trần Văn K và Nguyễn Quang V chuẩn bị hung khí tạo thành nhóm chuyên cướp tài sản của những người thuê trọ trên địa bàn quận Thanh Khê và quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Khi đến các phòng trọ, T và K cầm dao và cây gỗ khống chế những người ở trọ để cướp tài sản; Vũ là người đứng ngoài cảnh giới. Tài sản mà T, K và Vũ chiếm đoạt gồm 15 điện thoại di động các loại, 01 máy ảnh và 1.420.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.429.000đ (Mười một triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Trong đó, Trần Vũ T và Trần Văn K tham gia 07 lần, tài sản chiếm đoạt có giá trị 11.429.000đ; Nguyễn Quang V tham gia 02 lần, tài sản chiếm đoạt có giá trị 3.848.500đ.

[2] Hành vi như trên của Trần Vũ T và đồng bọn đã cấu thành tội "Cướp tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội có tổ chức và sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê truy tố đối với bị cáo Trần Vũ T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trần Văn K, Nguyễn Quang V cùng tham gia phạm tội với Trần Vũ T đã bị Toà án nhân dân TP Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tại Bản án số 51/2009/HSPT ngày 18-3-2009 với mức án: Trần Văn K bị xử phạt 10 năm tù và Nguyễn Quang V bị xử phạt 03 năm 06 tháng tù.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Trần Vũ T:

Bị cáo khi phạm tội là một người đã trưởng thành, có việc làm nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân, bị cáo đã rủ đồng bọn sử dụng vũ khí đe doạ người khác để thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an trên địa bàn 02 quận vào thời điểm đó. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích răn đe, giáo dục.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" 07 lần nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn hơn 12 năm gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Vụ án này có 03 đối tượng thực hiện hành vi phạm tội là Trần Vũ T, Trần Văn K và Nguyễn Quang V. Trong đó, bị cáo T là người rủ rê và phân công hành động cho K, V. Do vậy, khi lượng hình cần xem xét mức hình phạt áp dụng cho bị cáo T là nghiêm khắc hơn các đồng phạm khác mới phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Hiện nay, trong những người bị hại có anh Nguyễn Đăng H1 yêu cầu bị cáo Trần Vũ T bồi thường 5.000.000đ. Tuy nhiên, phần dân sự của vụ án "Cướp tài sản" này đã được giải quyết xong tại Bản án số 114/2008/HSST ngày 23-12-2008 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, phần dân sự không có kháng cáo, án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, nay Hội đồng xét xử chỉ xem xét trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm cuối cùng là bị cáo Trần Vũ T mà không xem xét, giải quyết các vấn đề khác.

[6] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng thu được khi bắt giữ bị cáo Trần Vũ T là 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đen, số imei: 353793/10442126/1 và số tiền 420.000đ không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Hội đồng xét xử chấp nhận các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay do phù hợp với quy định của pháp luật và tính chất của vụ án.

[9] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; do đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Vũ T phạm tội "Cướp tài sản";

Xử phạt bị cáo Trần Vũ T **10 (mười) năm** tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-9-2020.

2. Xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Trần Vũ T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đen, số imei: 353793/10442126/1 và Số tiền 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Các vật chứng nói trên Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng hiện đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22-01-2021 và Biên lai thu tiền số 007515 ngày 22-01-2021.

3. Án phí:

Bị cáo Trần Vũ T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an Q.Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS Công an Q.Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q.Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị T Mai